

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022

Trường Đại học Y Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022 như sau:

1. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU VÀ NGÀNH TUYỂN SINH

1.1. Hình thức và thời gian đào tạo

1.1.1. Hình thức đào tạo: Tập trung chính quy.

1.1.2. Thời gian đào tạo:

+ 03 năm đối với người đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II) ngành đúng với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

+ 04 năm đối với:

1) Người đã tốt nghiệp đại học loại giỏi ngành đúng/phù hợp;

2) Người đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II) ngành/chuyên ngành phù hợp cần hoàn thiện học phần trình độ thạc sĩ (Phụ lục 2).

1.2. Ngành/chuyên ngành và dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến: 207 (Phụ lục 1).

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

2.1. Điều kiện chung

2.1.1. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

2.1.2. Không bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm đăng ký dự tuyển.

2.1.3. Được cơ quan quản lý nhân sự đồng ý cho phép tham gia dự tuyển bằng văn bản; Nếu ứng viên không thuộc quản lý của cơ quan nào tại thời điểm đăng ký dự thi (sau đây gọi là ứng viên tự do), cần có bản cam kết không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan nào tại thời điểm đăng ký dự thi;

2.1.4. Ứng viên đang là học viên sau đại học của Trường Đại học Y Hà Nội và các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe khác không được đăng ký dự thi. Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả thi tuyển.

2.2. Văn bằng

Ứng viên phải có ít nhất một trong các điều kiện sau:

2.2.1. Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại Giỏi trở lên, ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

2.2.2. Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp II ngành đúng hoặc phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Y Hà Nội phê duyệt (Phụ lục 2).

2.3. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Ứng viên phải là tác giả của ít nhất 01 bài báo có liên quan đến ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển trong thời gian 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học ngành/chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công bố tại thời điểm đăng bài.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ

Ứng viên là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

2.4.1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

2.4.2. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

2.4.3. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 3 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

2.4.4. Ứng viên là công dân nước ngoài học chương trình tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Ứng viên là công dân nước ngoài học chương trình tiến sĩ bằng tiếng Anh phải đáp ứng yêu cầu mục 2.3.

2.5. Kinh nghiệm công tác chuyên môn

Ứng viên có ít nhất 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành dự tuyển sau khi tốt nghiệp tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Kinh nghiệm công tác của ứng viên có thể được thay thế bằng bài báo như sau: Mỗi năm kinh nghiệm công tác được thay bằng 01 bài báo liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển đăng tải trong thời gian 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển trên các tạp chí khoa học ngành/chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công bố tại thời điểm đăng bài.

2.6. Đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập nghiên cứu

Dự thảo đề cương nghiên cứu, dự thảo kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa của ứng viên soạn thảo theo mẫu của nhà trường, đã được người dự kiến hướng dẫn và lãnh đạo Viện/Khoa/Bộ môn xác nhận.

2.7. Giấy chấp thuận hướng dẫn

Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của người dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Phụ lục 4).

2.8. Thư giới thiệu

Thư giới thiệu của tối thiểu 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hiểu rõ về ứng viên và am hiểu về chủ đề nghiên cứu của ứng viên đề xuất hoặc công tác trong ngành/chuyên ngành mà ứng viên đăng ký dự tuyển.

3. HÌNH THỨC VÀ CÁCH THỨC TUYỂN SINH

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.2. Cách thức xét tuyển: Căn cứ vào tiêu chí xét tuyển (Phụ lục 5).

- Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển;
- Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và phỏng vấn đánh giá năng lực.

4. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

4.1. Đơn đăng ký dự tuyển có xác nhận thời gian công tác trong chuyên ngành dự tuyển của cơ quan quản lý (mẫu 1.1, Phụ lục 7);

4.2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, xác nhận của cơ quan quản lý hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với ứng viên tự do. Lí lịch cần ghi rõ và xác nhận không bị dừng học tập, kỷ luật trong quá trình đào tạo hoặc trong quá trình công tác;

4.3. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học, sau đại học;

Ứng viên tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài phải có giấy xác nhận văn bằng ghi rõ ngành/chuyên ngành của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo bảng bản dịch thuật công chứng bảng điểm; Trong trường hợp cần thiết, nhà trường có thể thành lập Hội đồng để đánh giá tính phù hợp của ngành/chuyên ngành học tập ở nước ngoài so với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

4.4. Giấy chứng nhận sức khoẻ có dán ảnh (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/05/2013 hướng dẫn khám sức khỏe) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

4.5. Bản sao công chứng văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định;

4.6. Công văn hoặc quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự hoặc bản cam kết không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan/tổ chức nào tại thời điểm đăng ký dự tuyển (ứng viên tự do).

4.7. Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm nhân sự để minh chứng thời gian công tác;

4.8. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương đối với ứng viên tự do (mẫu 1.2, Phụ lục 7);

4.9. Thư giới thiệu (mẫu 1.3, Phụ lục 7);

4.10. Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn (mẫu 1.4, Phụ lục 7);

4.11. Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn nếu chưa có quyết định là người hướng dẫn chính/độc lập nghiên cứu sinh tại Trường đại học Y Hà Nội từ năm 2018 đến nay (mẫu 1.5, Phụ lục 7);

4.12. Các minh chứng đủ điều kiện của người dự kiến hướng dẫn (Phụ lục 4);

4.13. Bản sao các bài báo hoặc báo cáo (gồm trang bìa tạp chí khoa học hoặc kỹ yếu hội nghị, mục lục và toàn văn bài báo hoặc báo cáo), các đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu cùng các minh chứng (quyết định giao đề tài, biên bản nghiệm thu, quyết định nghiệm thu đề tài) và các bằng khen, giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có);

4.14. Đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa theo mẫu của nhà trường đã được người dự kiến hướng dẫn và lãnh đạo Viện/Khoa/Bộ môn của ngành/chuyên ngành dự tuyển ký xác nhận (Phụ lục 5); nộp 07 quyển.

4.15. Hai bì thư, mỗi bì thư đựng 02 ảnh cỡ 3x4 cm (chụp không quá 6 tháng). Bên ngoài bì thư và mặt sau tất cả ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự tuyển;

4.16. Biểu mẫu đăng ký làm thẻ học viên liên kết với ngân hàng và bản sao công chứng chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân (trong thời hạn lưu hành). Biểu mẫu làm thẻ học viên sẽ được sử dụng khi ứng viên trúng tuyển.

Lưu ý:

- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự như trên và đựng trong túi hồ sơ;
- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định;
- Mỗi ứng viên chỉ được nộp hồ sơ xét tuyển 01 lần trong năm 2022.

5. KINH PHÍ TUYỂN SINH

5.1. Kinh phí xét tuyển nghiên cứu sinh: 260.000 đồng/hồ sơ, bao gồm:

5.1.1. Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng;

5.1.2. Lệ phí dự tuyển: 200.000 đồng.

5.2. Hồ sơ và kinh phí dự tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc ứng viên bỏ xét tuyển.

6. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

6.1. Điều kiện xét tuyển: Căn cứ tiêu chí xét tuyển tại Phụ lục 5, ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt các điều kiện sau đây:

6.1.1. Điểm phần 1 (điểm đánh giá hồ sơ, tối đa 30 điểm): Các mục thành phần (5 mục) ở phần 1 đều phải có điểm (không có mục nào điểm 0). Tổng điểm phải đạt ≥ 15 điểm.

6.1.2. Điểm phần 2 (điểm đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên, tối đa 70 điểm): Các mục thành phần đều phải có điểm (không có mục nào điểm 0). Tổng điểm phải đạt ≥ 35 điểm. Trong đó điểm đề cương nghiên cứu phải đạt ≥ 25 điểm.

6.2. Xét trúng tuyển:

a) Xếp thứ tự tổng điểm phần 1 và phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu của từng ngành;

b) Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Tổng điểm phần 2 cao hơn; 2. Điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Ứng viên là nữ.

7. TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

Xét tuyển 02 đợt trong năm 2022, các mốc thời gian tổ chức xét tuyển dự kiến như sau:

7.1. Phát hành hồ sơ, nhận hồ sơ và tư vấn tuyển sinh:

7.1.1. Thời gian: bắt đầu từ ngày 15/6/2022, nhận hồ sơ liên tục cho đến hết chỉ tiêu hoặc đến hết ngày 30/10/2022.

7.1.2. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng 325, tầng 3, nhà A1 Trường Đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

7.1.3. Tư vấn trực tuyến: dự kiến tuần 1 của tháng 6/2022, nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên website <http://sdh.hmu.edu.vn>.

7.1.4. Để giúp nhà Trường có kế hoạch tổ chức xét tuyển phù hợp, đề nghị ứng viên cần đăng ký một số thông tin cần thiết trước ngày 30/06/2022, bằng cách quét QRcode hoặc click vào đường link khai báo.

Quét QRcode	Truy cập qua đường link khai báo
	https://forms.gle/op7nHXQZXtWnRJ8x6

7.2. Thời gian xét tuyển:

7.2.1. Thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ: muộn nhất 15 ngày làm việc sau khi Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học nhận hồ sơ đầy đủ và đúng quy định của thí sinh;

7.2.2. Thời gian xét tuyển: muộn nhất 30 ngày làm việc sau khi xét duyệt hồ sơ đạt.

- Đợt 1: Trước ngày 01/10/2022 (Cho các hồ sơ nộp tháng 7, tháng 8 và tháng 9)
- Đợt 2: Trước ngày 01/12/2022 (Cho các hồ sơ nộp tháng 9, tháng 10, tháng 11).

7.2.3. Ứng viên hoàn thiện đề cương nghiên cứu theo góp ý của Hội đồng xét tuyển và nộp về Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học muộn nhất 10 ngày làm việc sau ngày xét tuyển.

7.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển và nhập học:

7.3.1. Công bố kết quả xét tuyển và trúng tuyển: muộn nhất 10 ngày làm việc sau khi kết thúc từng đợt xét trúng tuyển;

- Đợt 1: Trước ngày 15/10/2022 (Cho các hồ sơ xét tuyển tháng 7, tháng 8 và tháng 9)
- Đợt 2: Trước ngày 15/12/2022 (Cho các hồ sơ xét tuyển tháng 9, tháng 10 và tháng 11).

7.3.2. Nhập học: Dự kiến tháng 01/2023.

7.3.3. Sau khi trúng tuyển, đề tài nghiên cứu phải được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học thông qua trước khi triển khai.

Thông tin chi tiết xem tại website: <http://sdh.hmu.edu.vn>.

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế trong toàn quốc sớm thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho những người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự tuyển kịp hoàn thành hồ sơ và đăng ký dự tuyển đúng thời hạn.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Viện/Khoa/Bộ môn và các đơn vị liên quan;
- Các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp Y tế;
- Các cơ sở y tế, BV, V, TT Y tế;
- Lưu: VT, SĐH.



Nguyễn Hữu Tú

Phụ lục 1:
Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ theo ngành/chuyên ngành

TT	Tên ngành/chuyên ngành tuyển sinh	Mã số	Viện/Khoa/Bộ môn đăng ký đào tạo	Dự kiến chỉ tiêu
1	Dược lý và độc chất	9720118	Dược lý	2
2	Điện quang và y học hạt nhân	9720111	Chẩn đoán hình ảnh	7
			Y học hạt nhân	3
3	Gây mê hồi sức	9720102	Gây mê hồi sức	5
4	Hồi sức cấp cứu và chống độc	9720103	Hồi sức cấp cứu	10
			Giải phẫu bệnh	5
			Giải phẫu người	3
			Hoá sinh y học	6
			Ký sinh trùng	2
			Miễn dịch - Sinh lý bệnh	0
5	Khoa học Y sinh	9720101	Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	4
			Mô phôi thai học	5
			Sinh lý học	2
			Vi sinh y học	2
			Y sinh học di truyền	5
			Y pháp	2
6	Ngoại khoa	9720104	Ngoại	15
			Phẫu thuật tạo hình	5
7	Nhân khoa	9720157	Mắt	8
8	Nhi khoa	9720106	Nhi	10
			Da liễu	5
			Huyết học - Truyền máu	3
			Lão khoa	5
9	Nội khoa	9720107	Nội tổng hợp	15
			Nội tim mạch	5
			Phục hồi chức năng	5
			Tâm thần	10
			Thần kinh	6
10	Răng - Hàm - Mắt	9720501	Răng - Hàm - Mắt	5
11	Sản phụ khoa	9720105	Phụ Sản	5
12	Tai - Mũi - Họng	9720155	Tai - Mũi - Họng	5
13	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	9720109	Truyền nhiễm	4
			Lao và bệnh phổi	2
14	Ung thư	9720108	Ung thư	12

15	Y học cổ truyền	9720113	Y học cổ truyền	3
16	Dịch tễ học	9720117		2
17	Dinh dưỡng	9720401	Y học dự phòng và Y tế công cộng	4
18	Quản lý Y tế	9720801		2
19	Y tế công cộng	9720701		8
Tổng cộng				207



Phụ lục 2:
Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp
và yêu cầu học phần cần hoàn thiện của các ngành/chuyên ngành trình độ tiến sĩ

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phản ThS	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 cần hoàn thiện học phần ThS		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành/chuyên ngành
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển	
1.	Khoa học Y sinh					
	Dị ứng - Miễn dịch	Y khoa	Dị ứng - Miễn dịch	Không áp dụng		
	Giải phẫu bệnh	Y khoa	Giải phẫu bệnh	Không áp dụng		
	Giải phẫu người	Y khoa	Giải phẫu người	Không áp dụng		
	Hóa sinh y học	Y khoa, YHDP, KTYH	Hóa sinh y học	- KTYH, Dược, Nội khoa, YHDP, Dinh dưỡng - Công nghệ sinh học - Hóa sinh	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Hóa sinh Y học (40 tín chỉ)	- Có kinh nghiệm ít nhất 2 năm công tác liên quan đến Hóa sinh y học hoặc Xét nghiệm y học - Có chứng chỉ “Hóa sinh lâm sàng cơ bản”
	Ký sinh trùng	Y khoa, YHDP, KTYH	-Ký sinh trùng -Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới -Vi sinh -Y học nhiệt đới	- Nội khoa, Da liễu, YHDP, KTYH, YTCC	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Ký sinh trùng (40 tín chỉ)	
	Mô phôi thai học	Y khoa	Mô phôi thai học	Không áp dụng		
	Sinh lý bệnh	Y khoa	Sinh lý bệnh	Không áp dụng		
	Miễn dịch	Y khoa	Miễn dịch	Không áp dụng		
	Sinh lý học	Y khoa	Sinh lý học	Không áp dụng		
	Vi sinh y học	Y khoa	Vi sinh y học	Không áp dụng		
	Y pháp	Y khoa	Y pháp	Không áp dụng		
	Y sinh học di truyền	Y khoa	Y sinh học di truyền	Không áp dụng		
2.	Dược lý và độc chất	Y khoa	Dược lý và độc chất	Không áp dụng		

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 cần hoàn thiện học phần ThS		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành/chuyên ngành
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển	
3.	Điện quang và y học hạt nhân	Y khoa				
	Chẩn đoán hình ảnh	Y khoa	Chẩn đoán hình ảnh	Không áp dụng		
	Y học hạt nhân	Y khoa	Y học hạt nhân	Không áp dụng		
4.	Gây mê hồi sức	Y khoa	Gây mê hồi sức	Không áp dụng		
5.	Hồi sức cấp cứu	Y khoa	Hồi sức cấp cứu	Không áp dụng		
6.	Ngoại khoa	Y khoa				
	Ngoại khoa	Y khoa	Ngoại khoa	Không áp dụng		
	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	Y khoa	Phẫu thuật tạo hình	-Ngoại khoa, Tai mũi họng, Nhãn khoa, Ung thư, Sản khoa, Răng hàm mặt	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Phẫu thuật tạo hình (40 tín chỉ)	
7.	Nhãn khoa	Y khoa	Nhãn khoa	Không áp dụng		
8.	Nhi khoa	Y khoa	Nhi khoa	- Thạc sĩ nghiên cứu các ngành liên quan ngành Nhi khoa - Thạc sĩ định hướng ứng dụng các ngành liên quan ngành Nhi khoa và tốt nghiệp tối thiểu 03 năm - Văn bằng tương đương trình độ bậc 7 trong vòng 5 năm	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Nhi khoa (40 tín chỉ)	
9.	Nội khoa	Y khoa	Nội khoa			
	Da liễu	Y khoa	Da liễu	Không áp dụng		
	Huyết học - Truyền máu	Y khoa	Huyết học - Truyền máu	Không áp dụng		- Đối với thạc sỹ ứng dụng, yêu cầu người dự tuyển đã chủ trì hoặc tham gia ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học (từ cấp cơ sở) hoặc là tác giả ít nhất

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 cần hoàn thiện học phần ThS		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành/chuyên ngành
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển	
						01 bài báo đăng trên tạp chí có phản biện độc lập về chủ đề liên quan đến chuyên ngành
	Nội khoa	Y khoa	Nội khoa	HH-TM Thần kinh, Lão khoa, Y học gia đình, Y học cổ truyền.	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Nội khoa (40 tín chỉ)	
	Lão khoa	Y khoa	Lão khoa	Nội tổng hợp, Nội tim mạch, Nội tiêu hóa, Nội xương khớp, Nội hô hấp, Nội tiết, Nội thận tiết niệu, Huyết học truyền máu, Phục hồi chức năng, Tâm thần, Thần kinh, Y học gia đình.	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Lão khoa (40 tín chỉ)	
	Nội Tim mạch	Y khoa	Nội Tim mạch	Nội Tổng hợp, Nhị khoa, Hồi sức Cấp cứu, Lão khoa, YHGD	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Nội tim mạch (40 tín chỉ)	
	Phục hồi chức năng	Y khoa	Phục hồi chức năng	Nhị khoa, Ngoại khoa, Nội khoa, YHGD	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Phục hồi chức năng (40 tín chỉ)	
	Tâm thần	Y khoa	Tâm thần	Không áp dụng		
	Thần kinh	Y khoa	Thần kinh	Không áp dụng		
10.	Sản phụ khoa	Y khoa	Sản phụ khoa	Không áp dụng		
11.	Tai - Mũi- Họng	Y khoa	Tai - Mũi- Họng	Không áp dụng		
12.	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Y khoa				
	Lao và bệnh phổi	Y khoa	Lao và bệnh phổi	Không áp dụng		

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS	Ngành tốt nghiệp Bậc 7 cần hoàn thiện học phần ThS		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành/chuyên ngành
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển	
	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Y khoa	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Không áp dụng		
13.	Ung thư	Y khoa	Ung thư	Không áp dụng		
14.	Răng - Hàm - Mặt	Răng Hàm Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Không áp dụng		
15.	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Không áp dụng		
16.	Dịch tễ học	YHDP YTCC	Dịch tễ học, Y học dự phòng Y tế công cộng	Các ngành /chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe khác ngành Dịch tễ học, YHDP và YTCC. Ngành Thống kê, Thống kê Kinh tế	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Dịch tễ học (30 tín chỉ)	- Có kinh nghiệm ít nhất 2 năm công tác liên quan đến Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dịch tễ học nếu tốt nghiệp các ngành phù hợp
17.	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng	Các ngành/ chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe khác ngành Dinh dưỡng. Các ngành Sinh học, Công nghệ sinh học, Hóa thực phẩm, Thực phẩm.	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Dinh dưỡng (30 tín chỉ)	- Có kinh nghiệm ít nhất 2 năm công tác liên quan đến Dinh dưỡng nếu tốt nghiệp các ngành phù hợp
18.	Quản lý y tế	QLYT, YTCC,Y HDP	- Quản lý bệnh viện - Y tế công cộng - Y học dự phòng - Quản lý y tế	Các ngành/ chuyên ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe khác với ngành QLBV, YTCC, YHDP, QLYT	Học phần cơ sở và chuyên ngành Thạc sỹ Quản lý bệnh viện (30 tín chỉ)	- Có kinh nghiệm ít nhất 2 năm công tác liên quan đến Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện nếu tốt nghiệp các ngành phù hợp
19.	Y tế công cộng (tiếng Việt và tiếng Anh)	YTCC, YHDP, Y khoa,	- Y tế công cộng	Các ngành/ chuyên ngành thuộc lĩnh vực	Học phần cơ sở và chuyên ngành	- Có kinh nghiệm ít nhất 2 năm công tác

TT	Ngành / Chuyên ngành đăng ký tuyển sinh	Ngành tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp	Ngành tốt nghiệp BẬC 7 (ThS, BSNT, CKII) không phải hoàn thiện học phần ThS	Ngành tốt nghiệp BẬC 7 cần hoàn thiện học phần ThS		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành/chuyên ngành
				Ngành tốt nghiệp tương đương bậc 7	Học phần ThS hoàn thiện sau trúng tuyển	
		YHCT	<ul style="list-style-type: none"> - Y học dự phòng - Dịch tễ học 	sức khỏe khác với ngành YTCC, YHDP, Dịch tễ. Ngành Xã hội học và nhân học, Thông kê kinh tế, Kinh tế, Quản trị - Quản lý, Tâm lý học, Sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Công tác xã hội, Quản lý tài nguyên và môi trường, Thú y.	chương trình đào tạo thạc sĩ Y tế công cộng (30 tín chỉ)	liên quan đến Y học dự phòng, Y tế công cộng, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện nếu tốt nghiệp các ngành phù hợp - Với chương trình TS Y tế công cộng tiếng Anh, ứng viên cần có chứng chỉ ngoại ngữ từ IELTS 6.0 trở lên hoặc chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương.

Phụ lục 3:

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA ỨNG VIÊN**

(Theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKI - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKI-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các Trường Đại học tại Việt Nam cấp, chỉ chấp nhận các chứng chỉ được tổ chức thi sau ngày Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản cho phép các Trường tổ chức thi, cấp văn bằng, chứng chỉ theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 19/9/2017 và Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021. Chi tiết tại bảng dưới đây:

TT	Cơ sở được cấp phép	Ngày có văn bản cho phép của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	06/12/2018
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	06/12/2018
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	06/12/2018
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	06/12/2018
5	Trường Đại học Hà Nội	15/05/2019
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	15/05/2019
7	Đại học Thái Nguyên	15/05/2019
8	Trường Đại học Cần Thơ	15/05/2019
9	Trường Đại học Vinh	07/11/2019
10	Học viện An ninh nhân dân	13/12/2019
11	Trường Đại học Sài Gòn	07/02/2020
12	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ chí Minh	20/02/2020
13	Trường Đại học Trà Vinh	06/03/2020
14	Trường Đại học Văn Lang	12/03/2020
15	Trường Đại học Quy Nhơn	08/09/2020
16	Trường Đại học Tây Nguyên	02/02/2021
17	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	09/04/2021
18	Học viện Báo chí Tuyên truyền	23/04/2021
19	Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	15/10/2021
20	Trường Đại học Thương mại	21/12/2021
21	Học viện Khoa học Quân sự	27/12/2021

Mẫu chứng chỉ tiếng Anh bậc 4/6 do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định:

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE OF PROFICIENCY

In:
Level:

This is to certify that

Full name: _____ Họ và tên:
Date of birth: _____ Ngày sinh:
Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam
Date of Exam: _____ Ngày thi:
Overall Score: _____ Điểm thi:
Listening: _____ Nghe:
Speaking: _____ Nói:
Reading: _____ Đọc:
Writing: _____ Viết:
Hanoi, _____ Hà Nội, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Decision number: _____ Số Quyết định:
Certificate number: _____ Số hiệu:
Reference number: _____ Số vào sổ cấp chứng chỉ

+
-

18 cm

Phụ lục 4:

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

(Theo Quyết định số 3856/QĐ-DHYHN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có kết quả nghiên cứu trong ngành/chuyên ngành phù hợp/có liên quan với đề tài luận án của nghiên cứu sinh.
- c) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
- d) Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn (có thể là một chính, một phụ hoặc hai đồng hướng dẫn có trách nhiệm và quyền lợi như nhau), trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học toàn thời gian với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại cơ sở đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.
- e) Trong vòng 5 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn phải có kết quả nghiên cứu trong ngành/chuyên ngành phù hợp/có liên quan với đề tài luận án hướng dẫn như sau: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).
- f) Đối với người **hướng dẫn chính/người hướng dẫn độc lập/người đồng hướng dẫn** ngoài các điều kiện trên, phải là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo quốc tế trong hệ thống WOS/Scopus.

Phụ lục 5:

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2022

Thang điểm xét tuyển: 100 điểm, gồm 2 phần

Phần 1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển (30 điểm) thang điểm như sau:

T T	Nội dung xét				Than g điểm	Điể m tối đa	Điể m đạt
1	Kết qua học tập (Chi chấm điểm cho mục 1.1 hoặc 1.2)	1.1. Có bằng thạc sĩ/Bác sĩ nội trú/Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Trung bình chung học tập	Ngành đúng	≥ 9,0	7	
					Từ 8,0 đến dưới 9,0	5	
					Từ 5,5 đến dưới 8,0	3	
			Trung bình chung học tập	Ngành phù hợp	≥ 9,0	5	10
					Từ 8,0 đến dưới 9,0	3	
					Từ 5,5 đến dưới 8,0	2	
		1.2. Đại học	Trung bình chung học tập	Ngành đúng	≥ 9,0	3	
					< 9,0	2	
					Xuất sắc	7	
			Trung bình chung học tập	Ngành phù hợp	Giỏi	5	
					Khá, Trung bình	0	
2	Kinh nghiệm & thành tích nghiên cứu khoa học	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo x thang điểm)		3	
				Tác giả khác (số bài báo x thang điểm)		2	
			Trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có phản biện	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo x thang điểm)		2	
				Tác giả khác (số bài báo x thang điểm)		1,5	
				Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính tối đa 1 điểm		1,5	8
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính tối đa 0,75 điểm	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo x thang điểm)		1	
				Tác giả khác (số bài báo x thang điểm)		0,5	
				Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (số bài báo x thang điểm)		0,5	
			Tạp chí khác; Kỷ yếu Hội nghị/Hội thảo có ISBN	Tác giả khác (số bài báo x thang điểm)		0,25	
				Tác giả khác (số bài báo x thang điểm)			

		Tham gia công trình nghiên cứu <i>(Đã nghiệm thu)</i>	Đề tài cấp Nhà nước	Chủ nhiệm Đề tài Thư ký Đề tài Tham gia	3 2 1	3	
			Đề tài cấp Bộ/ Thành phố hoặc tương đương	Chủ nhiệm Đề tài Thư ký Đề tài Tham gia	3 1,5 1		
			Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm Đề tài	1		
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Thành tích nghiên cứu khoa học	Bằng lao động sáng tạo, Bằng khen về thành tích nghiên cứu khoa học, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên		2	2	
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học		1		
4	Thư giới thiệu	Trên 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành		2	2		
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành		1			
		Dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành		0			
5	Người dự kiến hướng dẫn	Người giới thiệu là TSKH/PGS/GS		2	2		
		Người giới thiệu là Tiến sĩ chưa có chức danh khoa học		1			
		Đã công bố từ 03 bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI		3			
Tổng điểm tối đa phần 1						30	

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: 70 điểm

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: tối đa 50 điểm

TT	Nội dung chấm.	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý tưởng nghiên cứu: có khả năng đăng báo quốc tế và dự kiến kế hoạch đăng bài báo quốc tế có tính khả thi	10	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng	5	
3	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	10	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ, sử dụng kỹ thuật mới cập nhật hoặc có cải tiến, sáng tạo	10	
5	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	10	
6	Bộ cục hợp lý, tài liệu tham khảo chính xác, cập nhật được trích dẫn đầy đủ	5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		50	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): tối đa 20 điểm

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin, khả năng sắp xếp công việc, khả năng làm việc theo nhóm,...	5	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 20 phút	5	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (ít nhất 05 câu, mỗi câu 02 điểm)	10	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		20	

Lưu ý: Điểm đánh giá đề cương nghiên cứu mục 2.1 phải đạt ≥25 điểm

Phụ lục 6:

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP/NGHIÊN CỨU

I. Một số quy định

1. Sử dụng bảng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 hệ soạn thảo Winword.
2. Giãn dòng 1,5 lines, lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.
3. Dánh số trang ở trên giữa mỗi trang giấy, bắt đầu từ phần đặt vấn đề.
4. Đề cương in một mặt, đóng bìa mềm, trang bìa và trang phụ bìa trình bày theo mẫu.
5. Có chữ ký của người dự kiến hướng dẫn và xác nhận của Viện/Khoa/Bộ môn ở trang phụ bìa (01 quyền có xác nhận và chữ ký gốc + 06 quyền chữ ký photo).

II. Cấu trúc đề cương nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu dài tối đa 30 trang, không kể phụ lục và tài liệu tham khảo, gồm những nội dung chính sau:

1. Lý do mong muốn đăng ký học NCS tại Trường Đại học Y Hà Nội (không quá 2 trang)
2. Đặt vấn đề: Nêu được tính cấp thiết cần phải nghiên cứu; Nêu được câu hỏi nghiên cứu rõ ràng và có tính khả thi (không quá 2 trang).
3. Mục tiêu nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu phù hợp để giải quyết câu hỏi nghiên cứu
4. Chương 1: Tổng quan tài liệu liên quan đến đề tài (không quá 10 trang);
5. Chương 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu (không quá 12 trang)
 - Nêu rõ đối tượng, địa điểm thời gian nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu, cách chọn mẫu, nội dung/biến số/chỉ số nghiên cứu, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp phân tích và xử lý kết quả, các sai số tiềm năng và biện pháp khống chế;
 - Đạo đức trong nghiên cứu (cần kèm theo bản thoả thuận tham gia nghiên cứu và bản cung cấp thông tin về nghiên cứu cho đối tượng);
 - Biện luận về tính khả thi: Nguồn lực, kinh phí dành cho đề tài?
6. Chương 3. Dự kiến kết quả; (không quá 2 trang)
7. Chương 4. Dự kiến bàn luận (không quá 1 trang)
8. Dự kiến kết luận (không quá 1 trang)
9. Danh mục tài liệu tham khảo: phần này không đánh số trang. Tài liệu tham khảo được trích dẫn theo số thứ tự xuất hiện trong Đề cương, không theo tên tác giả và năm. Tài liệu trích dẫn đánh số và trình bày theo quy định AMA (có thể tham khảo ở: https://libguides.usc.edu/ld.php?content_id=49818556).

III. Kế hoạch học tập, nghiên cứu và xuất bản các bài báo

- Thời gian dự kiến hoàn thành các học phần hoàn thiện chương trình ThS (nếu có) và học phần tiến sĩ?
- Thời gian thu thập số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc? Thời gian phân tích số liệu: Thời điểm bắt đầu? Thời điểm kết thúc?
- Dự kiến đăng tải bài báo:
 - + Dự kiến tên bài báo, nội dung bài báo, tạp chí đăng tải
 - + Dự kiến thời gian viết báo, thời gian đăng tải thành công bài báo
- Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (tại Viện/Khoa/Bộ môn)
- Dự kiến thời gian bảo vệ luận án cấp Trường.

Mẫu trang bìa đề cương nghiên cứu

Kích thước 210 x 297 mm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
(chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16)

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH
(chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(chữ in hoa, đứng, đậm, cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
(chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

HÀ NỘI - 2022
(chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

Mẫu trang phụ bìa đề cương nghiên cứu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH

TÊN ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Ngành:

Mã số: 9720.....

(chữ in thường, đứng, cỡ 16)

ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

(chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

1.(học hàm, học vị: chữ in hoa, đứng, cỡ 16)

(học và tên: chữ in thường, đứng, cỡ 16)

2.

HÀ NỘI - 2022

Phụ lục 7:

**CÁC MẪU THUỘC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NĂM 2022 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

TT	Mẫu số	Tên mẫu
1	Mẫu 1.1	Đơn đăng ký dự tuyển
2	Mẫu 1.2	Lý lịch khoa học
3	Mẫu 1.3	Thư giới thiệu
4	Mẫu 1.4	Giấy chấp thuận hướng dẫn
5	Mẫu 1.5	Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NĂM 2022

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

1. Họ và tên (chữ in hoa): _____ Giới tính: Nam Nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh: _____ Nơi sinh: _____
3. Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
4. Ngày vào Đảng CSVN: _____ Ngày chính thức: _____
5. Địa chỉ thường trú: Số nhà: _____ Phố/Thôn (xóm): _____
Phường/Xã: _____ Quận/Huyện: _____ Tỉnh/Thành phố: _____
6. Cơ quan công tác (ghi rõ chức vụ, Khoa-Phòng-Ban-Bộ môn): _____

7. Địa chỉ cơ quan: _____
8. Điện thoại (ĐĐ, NR): _____ Email (bắt buộc): _____
9. Số CMND/CCCD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
10. Nơi tốt nghiệp đại học: _____ Năm tốt nghiệp:
Ngành/chuyên ngành đào tạo: _____ Xếp loại tốt nghiệp:
11. Đào tạo Thạc sĩ/bác sĩ nội trú/bác sĩ chuyên khoa cấp II:
Trình độ tốt nghiệp: _____ Ngành/Chuyên ngành: _____
Nơi tốt nghiệp: _____ Điểm luận văn: Điểm TB toàn khóa:
12. Trình độ ngoại ngữ: _____
13. Công trình nghiên cứu, bài báo hoặc báo cáo (ghi số lượng đề tài tham gia đã nghiệm thu có minh chứng kèm theo và/hoặc số bài báo khoa học đã đăng): _____

14. Thành tích nghiên cứu khoa học (Bằng lao động sáng tạo, Giấy khen, giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên): _____

15. Thời gian công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển: _____
16. Ngành/Chuyên ngành đăng ký dự tuyển (ghi rõ như trong thông báo tuyển sinh): _____

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, tự nguyện đăng ký và cam kết thực hiện đúng quy định hiện hành đối với Ứng viên dự thi Sau đại học của trường, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỨNG VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho ứng viên Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
Quê quán: Dân tộc:
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng /Di động:
Email:.....Fax:.....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /
Nơi học (trường, thành phố):.....
Ngành học:
Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:.....
.....
Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Sau đại học

Trình độ:
Thời gian đào tạo từ:...../..... đến:...../.....
Nơi học (trường, thành phố):
Ngành/Chuyên ngành:
Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Trình độ Ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:.....
2. Mức độ sử dụng:.....

4. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

T T	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố (tên công trình, năm công bố, nơi công bố,...):

2.1

2.2.

2.3

2.4

....., ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(ký và ghi rõ họ tên)



Mẫu 1.3 Phụ lục 7

THƯ GIỚI THIỆU ÚNG VIÊN DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

(Dành cho các nhà khoa học đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học cùng với ứng viên trên 6 tháng)

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học, Trường Đại học Y Hà Nội.

Tên tôi là:

Học hàm:..... Năm phong:..... Học vị:..... Năm cấp:

Ngành/chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: - Cơ quan:..... Fax:..... Di động:

- Nhà riêng:

- Email:

Tôi đã có thời gian năm hiểu biết về năng lực công tác và năng lực nghiên cứu của ông/bà..... là ứng viên dự tuyển nghiên cứu sinh năm 2022 của Trường Đại học Y Hà Nội, thuộc ngành/chuyên ngành:.....

Tôi đã có thời gian năm công tác chuyên môn trong ngành/chuyên ngành nói trên.

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của ứng viên như sau:

1. Phẩm chất, đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp:

2. Năng lực hoạt động chuyên môn:

3. Phương pháp làm việc:

4. Khả năng nghiên cứu:

5. Khả năng làm việc nhóm:

6. Điểm mạnh và yếu của ứng viên:

7. Triển vọng phát triển chuyên môn:

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên làm nghiên cứu sinh:

Tôi cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của ứng viên dự tuyển Nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu ứng viên:với nhà trường để đăng ký dự xét tuyển Nghiên cứu sinh năm 2022 của Trường Đại học Y Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn ./.

....., ngày..... tháng..... năm 2022

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(ký và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2022 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội

Tên tôi là:

Học hàm:..... Năm phong:..... Học vị:..... Năm cấp bằng:

Ngành/Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác (nơi hưởng lương):

Điện thoại: Email:

Số tài khoản:..... Tại ngân hàng:

Mã số thuế cá nhân:..... Số CMND:

Số lượng bài báo, công trình khoa học đã công bố (tác giả chính, có minh chứng kèm theo):

1. Tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI:

Tổng số bài: Tổng số bài là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ):

3. Tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh:

Tổng số bài: Tổng số bài là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ):

2. Kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện:

Tổng số bài: Tổng số bài là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ):

4. Sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành:

Tổng số sách: Tổng số bài sách là giả chính:

5. Tạp chí đăng tải trong nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính từ 0,75 điểm trở lên (trong vòng 5 năm).....

Tổng số bài: Tổng số bài là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ):

6. Số Nghiên cứu sinh (chưa bảo vệ cấp trường, kể cả Nghiên cứu sinh của các cơ sở ngoài trường Đại học Y Hà Nội) hiện đang hướng dẫn:

Tôi đồng ý nhận hướng dẫn khoa học với tư cách là người hướng dẫn (độc lập/hoặc hướng dẫn chính/hoặc hướng dẫn phụ/hoặc đồng hướng dẫn):.....của Anh/Chị:nếu được công nhận là nghiên cứu sinh năm 2022 của trường Đại học Y Hà Nội.

Đề tài nghiên cứu dự kiến hoặc hướng nghiên cứu:

Tôi cam kết những thông tin trên đây là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Quy định của Nhà trường.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

**Ý KIÉN CỦA VIỆN/ KHOA/ BỘ MÔN
ĐÀO TẠO NCS**

(các Viện/ Khoa/ Bộ môn cần rà soát lại tiêu chuẩn
của người hướng dẫn trước khi ký đồng ý)

**NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG
DẪN**

(ký và ghi rõ họ tên)



LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG DẪN

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm cấp bằng:

Ngành/Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác (nơi hưởng lương):

Điện thoại: Email:

Số tài khoản: Tại ngân hàng:

Mã số thuế cá nhân: Số CMND:

II. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Các bài báo khoa học (liệt kê bài báo thuộc danh mục WoS/Scopus/ISI đã từng xuất bản; các bài khác chỉ liệt kê trong vòng 5 năm)

TT	Tên bài báo	Năm xuất bản	Vai trò của tác giả	Tên tạp chí	Loại tạp chí
1			1. Tác giả đầu/tác giả liên hệ 2. Tác giả khác		1. Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI 2. Tạp chí quốc tế có phản biện 3. Tạp chí trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính 1 điểm 4. Tạp chí trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính 0,75 điểm 5. Khác
2					
3					
...					

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia (chỉ liệt kê các đề tài trong vòng 5 năm)

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm hoàn thành/ dự kiến	Đề tài cấp (Nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1				
2				
3				
....				

3. Nghiên cứu sinh đã/đang hướng dẫn (chỉ liệt kê trong vòng 5 năm)

TT	Họ tên nghiên cứu sinh	Khóa	Vai trò hướng dẫn 1. Hướng dẫn chính 2. Hướng dẫn phụ 3. Đồng hướng dẫn	Tình trạng NCS 1. Đã bảo vệ cấp Trường 2. Đã bảo vệ cấp cơ sở	Nơi đào tạo NCS
1					
2					
3					
...					

....., ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(ký và ghi rõ họ tên)

